

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 52/2024/DS-ST

Ngày: 20 - 5- 2024

"V/v Tranh chấp di sản thừa kế"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lập

2. Bà Trần Thị Hồng Hà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Näiï dieăñ Vieăñ kieăm saùt nhaân daân huyeăñ Vuông Lieâm tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ H – Kiểm sát viên.

Ngày 17 và 20 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST – DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp di sản thừa kế*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1953 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Trần Văn A, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1977 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị H1 là bà Trần Thị T (có mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm: 1979 (Có mặt).

3/ Anh Nguyễn Công B, sinh năm: 1986 (Có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Chị Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số B M, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà [Trần Thị T](#) trình bày:

Bà [T](#) là vợ ông [Nguyễn Văn M](#). Bà [T](#) và ông [M](#) có tất cả 05 người con gồm:

1. [Nguyễn Thị Ngọc H1](#)
2. [Nguyễn Thị Ngọc T2](#)
3. [Nguyễn Đức T1](#)
4. [Nguyễn Thị Ngọc X](#)
5. [Nguyễn Công B](#)

Ông [Nguyễn Văn M](#) chết ngày 09/12/2022 (không để lại di chúc). Khi còn sống bà [T](#) và ông [M](#) có tạo lập khối tài sản gồm:

- Thửa số 65 (1097) cũ, tờ bản đồ 0001, diện tích 3600m², đất thổ quả, tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#). Phần đất này có nguồn gốc do ông [M](#) nhận thừa kế từ cụ [Nguyễn Văn D](#).

- Thửa đất số 49, tờ bản đồ số 9, diện tích 9.843,4m², loại đất thổ + cây lâu năm, tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) do ông [M](#) và bà [T](#) cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 1073 (thửa mới 50), tờ bản đồ số 1, diện tích 1.370m², loại đất chuyên lát, tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) do ông [M](#) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 1075 (thửa mới 50), tờ bản đồ số 1, diện tích 970m², loại đất chuyên lát, tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) do ông [M](#) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa đất số 1076 (thửa mới 50), tờ bản đồ số 1, diện tích 720m², loại đất ruộng 2 vụ lúa, tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) do ông [M](#) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- 01 căn nhà cấp 4 gắn với thửa đất 49.

Bà [T](#) yêu cầu được chia:

+ Diện tích 4.921,7m², thuộc thửa đất số 49; phần còn lại 4.921,7m² thì chia thành 6 phần bằng nhau (bà [T](#) và 5 người con).

+ Diện tích 1.800m², thuộc thửa đất số 1097; phần còn lại 1.800m² thì chia thành 6 phần bằng nhau (bà [T](#) và 5 người con).

Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 thì phần đất tranh chấp có tổng diện tích là 16.197,9m² gồm 12 chiết thửa.

Tại biên bản hòa giải ngày 31/3/2024 bà [T](#) xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích 6.299,9m² thuộc thửa 49-1 ONT + CLN bao gồm căn nhà trên đất (150m² đất ONT); Thửa 49 – 5 diện tích 1.104,4m² loại đất CLN; thửa 49 – 6 diện tích 227,4m² CLN; thửa 65 -2 (1097 – 2) diện tích 43,3m² CLN. Phần còn lại thống nhất chia cho 05 người con của bà [T](#); Đối với cây trồng trên đất thì nếu ai được chia đất thì được sở hữu cây trồng trên đất và không yêu cầu trả giá trị. Ngoài ra bà không còn gì khác.

Bà T thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 và biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Văn Ấ trình bày:**

Thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu của bà T và không có ý kiến gì khác.

*** Tại bảng khai ý kiến, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Đức T1 trình bày:** Anh thống nhất với nguyên đơn về thông tin, họ tên của cha mẹ, các anh em ruột và khối tài sản của cha mẹ tạo lập. Nay anh yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất các thửa đất như sau: thửa 49 – 6, diện tích 227,4m², loại đất CLN; thửa 65 – 1, diện tích 3.731,7m², loại đất ONT+CLN; thửa 65 – 2, diện tích 43,3m², loại đất CLN. Như vậy tổng diện tích anh T1 yêu cầu được chia là 4.002,4m².

Đối với cây trồng trên đất thì nếu ai được chia đất thì được sở hữu cây trồng trên đất và không yêu cầu trả giá trị.

Đối với căn nhà gắn với thửa 49-1 bà T đang ở thì anh yêu cầu được đồng sở hữu.

Anh T1 thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 và biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

*** Tại bảng khai ý kiến, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc X trình bày:** Chị thống nhất với nguyên đơn về thông tin, họ tên của cha mẹ, các anh em ruột và khối tài sản của cha mẹ tạo lập. Nay chị yêu cầu được chia chiết 49 – 2 diện tích 1.652,6m² ONT + CLN (50m² đất ONT) và căn nhà trên đất. Đối với căn nhà gắn với thửa 49-1 bà T đang ở thì chị yêu cầu được đồng sở hữu.

Đối với cây trồng trên đất thì nếu ai được chia đất thì được sở hữu cây trồng trên đất và không yêu cầu trả giá trị.

Chị X thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 và biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

*** Tại bảng khai ý kiến, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày:** Chị thống nhất với nguyên đơn về thông tin, họ tên của cha mẹ, các anh em ruột và khối tài sản của cha mẹ tạo lập. Nay chị yêu cầu được chia chiết 49 – 3 diện tích 178,3m², loại đất ONT + CLN (50m² đất ONT) và căn nhà trên đất; thửa 50 – 4 (1073), loại đất BHK diện tích 851,1m²; thửa 50 – 3 (1075 – 2), loại đất BHK diện tích 448,4m². Như vậy chị T3 yêu cầu được chia tổng diện tích là 1.477,8m².

Đối với căn nhà gắn với thửa 49-1 bà T đang ở thì chị yêu cầu được đồng sở hữu. Đối với cây trồng trên đất thì nếu ai được chia đất thì được sở hữu cây trồng trên đất và không yêu cầu trả giá trị.

Chị [X](#) thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 và biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

*** Bà [T](#) đại diện theo ủy quyền của chị [Nguyễn Thị Ngọc H1](#) trình bày:**

Chị thống nhất ý kiến của bà [T](#) về thông tin hàng thừa kế, tài sản do cha mẹ tạo lập và yêu cầu được hưởng các thửa thừa 50 – 2 (1075 - 1), loại đất BHK diện tích 770,6m²; thửa 50 – 1 (1076), loại đất LUC diện tích 509,4m²; Thửa 49 – 4 diện tích 380,8m², loại đất ONT + CLN (50m² đất ONT) và căn nhà trên đất. Tổng diện tích là 1.660,8m².

Đối với cây trồng trên đất thì nếu ai được chia đất thì được sở hữu cây trồng trên đất và không yêu cầu trả giá trị.

Chị [H1](#) thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 và biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

*** Tại bảng khai ý kiến, quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh [Nguyễn Công B](#) trình bày:**

Anh thống nhất ý kiến của bà [T](#) về thông tin hàng thừa kế, tài sản do cha mẹ tạo lập và yêu cầu được hưởng các thửa thừa 50 – 2 (1075 - 1), loại đất BHK diện tích 770,6m²; thửa 50 – 1 (1076), loại đất LUC diện tích 509,4m²; Thửa 49 – 4 diện tích 380,8m² ONT + CLN. Tổng diện tích là 1.141,4m².

Trong vụ án này anh không yêu cầu được chia di sản thừa kế. Nếu được chia thừa kế, nếu được chia theo pháp luật thì anh đồng ý giao lại phần thừa kế của mình cho bà [T](#).

Anh [B](#) thống nhất kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 21/02/2024 và biên bản định giá tài sản ngày 22/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà [T](#) rút lại phần yêu cầu được chia đối với thửa 65 -2 (1097 – 2) diện tích 43,3m², loại đất CLN và đồng ý giao phần đất này cho anh [Nguyễn Đức T1](#). Như vậy, bà [T](#) yêu cầu được chia diện tích 7.631,7m² (thuộc thửa 49-1 + 49-5 + 49-6).

Bà [T](#), anh [T1](#), chị [X](#), chị [T2](#) rút lại đối với yêu cầu giải quyết đối với 04 căn nhà trên đất.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung vụ án:

Trình tự tố tụng: thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ theo khoản 1 Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Trình tự tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án:

- Chia cho bà [Trần Thị T](#) diện tích 6.299,9m² loại đất ONT + CLN; chiết thửa 49 – 5, diện tích 1.104,4m², loại đất CLN; diện tích 227,4 m gồm các mốc (52,13,14,15,52) thuộc chiết thửa 49-6. Tổng diện tích 7.631,7m².

- Chia cho anh [Nguyễn Đức T1](#) chiết thửa 65 – 1, có diện tích là 3.731,7m², loại đất CLN; chiết thửa 65 -2, diện tích 43,3m², loại đất ONT + CLN. Tổng diện tích 3.775m².

- Chia cho chị [Nguyễn Thị Ngọc X](#) chiết thửa số 49 – 2, diện tích 1.652,6m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN.

- Chia cho chị [Nguyễn Thị Ngọc T2](#) chiết thửa 49 – 3, diện tích 178,3m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN; chiết thửa 50 – 4, loại đất BHK diện tích 851,1m²; chiết thửa 50 – 3 (các mốc 3,4,5,41,40,3), loại đất BHK diện tích 448,4m². Tổng diện tích 1.477,8m².

+ Chia cho chị [Nguyễn Thị Ngọc H1](#) chiết thửa 50 – 2, diện tích 770,6m², loại đất BHK; chiết thửa 50 – 1, diện tích 509,4m², loại đất LUC; Chiết thửa 49 – 4, diện tích 380,8m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN. Tổng diện tích 1.660,8m².

Đối với các cây trồng trên đất: các đương sự được sở hữu đối với cây trồng trên phần đất được chia.

+ Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí cho bà [T](#) vì là người cao tuổi; Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả trưng tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh di sản thừa kế, phần đất tranh chấp thuộc các thửa 49, 50 và 65, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tài sản tranh chấp gồm các thửa đất 49 (49-1, 49-2, 49-3, 49-4, 49-5, 49-6), thửa đất 50 (50-1, 50-2, 50-3, 50-4) và thửa 65 (65-1 và 65-2), tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại [ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), theo kết quả đo đạc hiện trạng thì có tổng diện tích là 16.197,9m² và 04 căn nhà trên đất (trong đó có 01 căn nhà gắn thửa 49 là thuộc tài sản do bà [T](#), ông [M](#) tạo lập và 03 căn nhà của chị [X](#), chị [T2](#), chị [H1](#) xây dựng).

Đối với 12 chiết thửa đất thì các đương sự đã thống nhất việc phân chia đối với 11 chiết thửa. Riêng chiết thửa 49 – 6, diện tích 227,4m², loại đất CLN thì bà [T](#) và anh [T1](#) đang tranh chấp.

[2.2] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia đối với 11 chiết thửa (49-1, 49-2, 49-3, 49-4, 49-5, 50-1, 50-2, 50-3, 50-4, 65-1 và 65-2), cụ thể như sau:

+ Bà T được chia diện tích 6.299,9m² (150m² đất ONT), thuộc chiết thửa 49-1, loại đất ONT + CLN; chiết thửa 49 – 5 diện tích 1.104,4m² CLN. Tổng diện tích 7.404,3m².

+ Anh T1 được chia chiết thửa 65 – 1, diện tích 3.731,7m² · loại đất CLN; chiết thửa 65 -2 (1097 – 2) diện tích 43,3m², loại đất CLN. Tổng diện tích 3.775m².

+ Chị X được chia chiết thửa số 49 – 2, diện tích 1.652,6m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN.

+ Chị T2 được chia chiết thửa 49 – 3, diện tích 178,3m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN ; chiết thửa thửa 50 – 4, loại đất BHK diện tích 851,1m²; chiết thửa 50 – 3, loại đất BHK diện tích 448,4m². Tổng diện tích 1.477,8m².

+ Chị H1 được chia chiết thửa 50 – 2, diện tích 770,6m², loại đất BHK; chiết thửa 50 – 1, diện tích 509,4m², loại đất LUC; Chiết thửa 49 – 4 diện tích 380,8m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN. Tổng diện tích 1.660,8m².

[2.3] Đối với chiết thửa 49 – 6, diện tích 227,4m², loại đất CLN thì bà T và anh T1 đang tranh chấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Bà T, ông M là vợ chồng hợp pháp và tài sản là do vợ chồng cùng tạo lập nên bà T, ông M mỗi người có quyền sử dụng đối với ½ đối với 16.197,9m² = 8.098,95m²; Ông M chết năm 2022 nên phần di sản của ông M được chia đều cho những người hàng thừa kế thứ nhất của ông M (bà T và 5 người con), nên bà T được hưởng 1/6 đối với diện tích đất 8.098,95m² = 1.349,8m². Do đó phần bà T được hưởng là 8.098,95m² + 1.349,8m² = 9.448,7m². Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu được chia 7.631,7m² (thuộc thửa 49-1 + 49-5 + 49-6) nên chấp nhận yêu cầu của bà T.

+ Anh T1 cho rằng chiết thửa 49 – 6, diện tích 227,4m² thì anh đã được ông M tặng cho khi còn sống nhưng anh T1 không có chứng cứ chứng minh, trong khi tại phiên tòa sơ thẩm bà T không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh T1.

[2.4] Đối với căn nhà thờ gắn với chiết thửa 49-1 và 03 căn nhà của chị X, chị T2 và chị H1 thì trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu định giá, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và tách ra giải quyết trong vụ án khác nêu các đương sự có yêu cầu.

[2.5] Đối với các cây trồng trên đất thì các đương sự thống nhất nếu ai được nhận đất thì được sở hữu đối với cây trồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản: Tổng cộng là 15.459.000 đồng. Bà T, chị H1 và anh B yêu cầu chia đều, còn anh T1, chị X và chị T2 yêu cầu xử lý theo pháp luật nên Hội đồng xét xử chia theo tỷ lệ tương ứng mỗi người được chia đất như sau:

+ Bà T chịu 47% chi phí = 7.266.000 đồng.

- + Anh [T1](#) chịu 23% chi phí = 3.556.000 đồng.
- + Chị [X](#) chịu 10% chi phí = 1.545.000 đồng.
- + Chị [T2](#) chịu 9% chi phí = 1.410.000 đồng.
- + Chị [H1](#) chịu 11% chi phí = 1.682.000 đồng.
- + Anh Bằng không phải chịu chi phí đo đạc và định giá.

[3.2] Án phí dân sự sơ thẩm:

- + Anh [T1](#) chịu: $(3.775\text{m}^2 \times 300.000 \text{ đ}) \times 5\% = 45.975.000 \text{ đ}$.
- + Chị [X](#) chịu $[(1.602,6\text{m}^2 \times 300.000 \text{ đ}) + (50 \text{ m}^2 \times 350.000 \text{ đ})] \times 5\% = (480.780.000 \text{ đ} + 17.500.000 \text{ đ}) \times 5\% = 24.914.000 \text{ đ}$.
- + Chị [T2](#) chịu $[(1.427,8\text{m}^2 \times 300.000 \text{ đ}) + (50 \text{ m}^2 \times 350.000 \text{ đ})] \times 5\% = (428.340.000 \text{ đ} + 17.500.000 \text{ đ}) \times 5\% = 22.292.000 \text{ đ}$.
- + Chị [H1](#) chịu $[(1.610,8\text{m}^2 \times 300.000 \text{ đ}) + (50 \text{ m}^2 \times 350.000 \text{ đ})] \times 5\% = (483.240.000 \text{ đ} + 17.500.000 \text{ đ}) \times 5\% = 25.037.000 \text{ đ}$.
- + Bà [T](#) được miễn án phí do là người cao tuổi.
- + Anh Bằng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 147, 157, 165, 166, 266 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 649, 650 và 651 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà [Trần Thị T](#).

1/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bị đơn anh [Nguyễn Đức T1](#).

+ Chia cho bà [Trần Thị T](#) diện tích $6.299,9\text{m}^2$ (150m^2 đất ONT), thuộc chiết thửa 49-1 (mốc 38,40,41,42,43,7,8,54,53,52,45,51,50,49,48,44,31,32,33,34,35,36,37,38), loại đất ONT + CLN; chiết thửa 49 – 5, (các mốc 53,54,12,13,52,53) diện tích $1.104,4\text{m}^2$, loại đất CLN; diện tích $227,4 \text{ m}$ gồm các mốc (52,13,14,15,52) thuộc chiết thửa 49-6. Tổng diện tích $7.631,7\text{m}^2$.

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất).

+ Chia cho anh [Nguyễn Đức T1](#) chiết thửa 65 – 1 (gồm các mốc 31, 44,45,46,47,16,17,18,19,20,21,22,23,24,25,26,27,28,29,30,31), có diện tích là $3.731,7\text{m}^2$, loại đất CLN; chiết thửa 65 -2 (các mốc 45,52,15,16,47,46,45), diện tích $43,3\text{m}^2$, loại đất ONT + CLN. Tổng diện tích 3.775m^2 .

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất).

+ Chia cho chị [Nguyễn Thị Ngọc X](#) chiết thửa số 49 – 2 (các mốc 8,9,10,11,12,54,8), diện tích $1.652,6\text{m}^2$ (50m^2 đất ONT), loại đất ONT + CLN.

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất).

+ Chia cho chị [Nguyễn Thị Ngọc T2](#) chiết thửa 49 – 3 (các mốc 49,50,51,48,49), diện tích $178,3\text{m}^2$ (50m^2 đất ONT), loại đất ONT + CLN; chiết thửa 50 – 4 (các mốc 1,2,3,40,38,39,1), loại đất BHK diện tích $851,1\text{m}^2$; chiết

thửa 50 – 3 (các mốc 3,4,5,41,40,3), loại đất BHK diện tích 448,4m². Tổng diện tích 1.477,8m².

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất).

+ Chia cho chị [Nguyễn Thị Ngọc H1](#) chiết thửa 50 – 2 (các mốc 5,6,42,41,5), diện tích 770,6m², loại đất BHK; chiết thửa 50 – 1 (các mốc 6,7,43,42,6), diện tích 509,4m², loại đất LUC; Chiết thửa 49 – 4 (các mốc 48,51,45,44,48) diện tích 380,8m² (50m² đất ONT), loại đất ONT + CLN. Tổng diện tích 1.660,8m².

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất)

2/ Đối với căn nhà thờ gắn với chiết thửa 49-1 và 03 căn nhà của chị [X](#), chị [T2](#) và chị [H1](#): Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Đối với các cây trồng trên đất: các đương sự được sở hữu đối với cây trồng trên phần đất được chia.

4/ Về chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản:

Tổng cộng là 15.459.000 đồng, các đương sự phải chịu cụ thể như sau:

+ Bà [T](#) nộp 7.266.000 đồng (bảy triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Bà [T](#) đã nộp tạm ứng 15.459.000 đồng, nên buộc anh [T1](#), chị [T2](#), chị [X](#) và chị [H1](#) nộp hoàn trả lại cho bà [T](#) số tiền 8.193.000 đồng.

+ Anh [T1](#) nộp 3.556.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi sáu ngàn đồng) hoàn trả bà [T](#).

+ Chị [X](#) chịu 1.545.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) hoàn trả bà [T](#).

+ Chị [T2](#) chịu 1.410.000 đồng (một triệu bốn trăm mười ngàn đồng) hoàn trả bà [T](#).

+ Chị [H1](#) chịu 1.682.000 đồng (một triệu sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng) hoàn trả bà [T](#).

+ Anh Bằng không phải chịu chi phí đo đạc và định giá.

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh [T1](#) chịu 45.975.000 đ (bốn mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Chị [X](#) chịu 24.914.000 đ (hai mươi bốn triệu chín trăm mười bốn ngàn đồng).

+ Chị [T2](#) chịu 22.292.000 đ (hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng).

+ Chị [H1](#) chịu 25.037.000 đ (Hai mươi lăm triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng).

+ Bà [T](#) được miễn án phí do là người cao tuổi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Quốc Cường